

VIỆC SỬ DỤNG DANH TỪ RIÊNG ĐỂ CHIẾU VẬT NHÂN VẬT TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NGẮN CỦA NHÀ VĂN NGUYỄN CÔNG HOAN

Ngô Thị Kim Khánh
Khoa Ngữ văn Khoa học xã hội
Email: kxanhntk@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/4/2020

Ngày PB đánh giá: 22/6/2020

Ngày duyệt đăng: 06/6/2020

TÓM TẮT: Khi nghiên cứu ngôn ngữ trong giao tiếp, vấn đề đầu tiên được quan tâm tới chính là vấn đề chiếu vật. Bởi nó là dấu hiệu móc nối đầu tiên giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh. Trong các phương thức được dùng để chiếu vật thì chiếu vật bằng danh từ riêng là phương thức chiếu vật lí tưởng nhất. Vì vậy, trong bài báo này, chúng tôi sẽ tiến hành tìm hiểu việc nhà văn Nguyễn Công Hoan sử dụng các danh từ riêng để chiếu vật nhân vật trong các truyện ngắn của ông. Phân tích, đánh giá các danh từ riêng này trên cả ba bình diện: ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng để từ đó thấy được giá trị cũng như dụng ý nghệ thuật của nhà văn.

Từ khóa: chiếu vật, danh từ riêng, nhân vật, quy chiếu, sở chỉ, tên, đặt tên.

USING PROPER NOUNS TO REFERENCE CHARACTERS IN SOME SHORT STORIES BY NGUYEN CONG HOAN

ABSTRACT: When researching language in use, the first subject to consider is reference. Because it's the first connection between language and context. In the methods of reference, using proper nouns is the most effective. So, in this article, we will analyse and appreciate the way writer Nguyen Cong Hoan uses proper nouns for referring characters in his short stories. We will consider these proper nouns in three aspects: grammatical structure, semantics, and pragmatics to realize their values and the intention of the writer.

Keywords: character, proper nouns, reference, name ...

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mỗi nhân vật đều là những đứa con tinh thần của các nhà văn. Việc xây dựng nhân vật như thế nào, lựa chọn tên ra sao chắc hẳn đều có những dụng ý nhất định, nhất là với Nguyễn Công Hoan – một nhà văn hiện thực phê phán tiêu biểu trong nền văn xuôi Việt Nam hiện đại đầu thế kỉ XX. Ông sáng tác nhiều truyện ngắn, một số truyện ngắn tiêu biểu của ông được giới thiệu trong các chương trình Ngữ văn từ bậc phổ thông đến cao đẳng, đại học.

Với việc tìm hiểu việc sử dụng danh từ riêng (còn gọi là tên riêng) để chiếu

vật nhân vật trong một số truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Công Hoan xét trên cả ba bình diện: ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, chúng tôi cố gắng chỉ ra những ý nghĩa, những dụng ý nghệ thuật của nhà văn trong việc đặt tên cho nhân vật để có thể thấy phần nào cái tâm, cái tài, quan điểm và phong cách nghệ thuật của ông.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Chiếu vật (theo cách gọi của tác giả Đỗ Hữu Châu) là thuật ngữ xuất phát từ thuật ngữ Reference trong tiếng Anh (mà tác giả Diệp Quang Ban, Nguyễn Thiện Giáp gọi là quy chiếu; tác giả Cao Xuân

Hạo gọi là *sở chỉ*). Trong bài báo này, chúng tôi chấp nhận và tuân theo cách gọi của Đỗ Hữu Châu- cách gọi xuất phát từ góc độ ngữ nghĩa - ngữ dụng.

Theo đó, có thể hiểu *Thuật ngữ chiếu vật được dùng để chỉ cái cách nhờ chúng mà người nói phát âm ra một biểu thức ngôn ngữ với hi vọng rằng biểu thức đó sẽ giúp cho người nghe của anh ta suy ra được một cách đúng đắn cái thực thể nào, đặc tính nào, quan hệ nào, sự kiện nào anh ta đang nói đến* [3, 193].

Cũng theo Đỗ Hữu Châu, có ba phương thức chiếu vật lớn, đó là: dùng danh từ riêng, dùng biểu thức miêu tả và dùng chỉ xuất. Do đối tượng của bài báo, chúng tôi chỉ tập trung giới thiệu về phương thức chiếu vật dùng danh từ riêng.

Danh từ riêng (hay còn gọi là tên riêng) là tên đặt cho từng cá thể sự vật. Vì vậy, danh từ riêng có tính tương ứng cá thể khác với danh từ chung có tính tương ứng loại. Cũng vì tính chất cá thể của mình mà danh từ riêng mang những chức năng nhất định. Chức năng cơ bản của danh từ riêng là chỉ cá thể sự vật đúng với phạm trù của cá thể được gọi bằng danh từ riêng đó. Ngoài ra, danh từ riêng còn có chức năng xưng hô và chức năng thuộc ngữ - tức được dùng để đặc trưng cho một đặc điểm, một phẩm chất, một thuộc tính nào đó. Do phạm vi biểu thị của danh từ riêng trong bài viết chỉ giới hạn ở đối tượng con người, nên từ đây chúng tôi sẽ sử dụng thuật ngữ tên riêng.

Đặt và sử dụng tên riêng là một hành vi xã hội, nó phải phù hợp với thói quen văn hóa của một xã hội nhất định. Tóm lại, có thể coi dùng tên riêng là phương thức chiếu vật lí tưởng nhất bởi tính tương ứng chiếu vật cá thể. Việc trùng tên riêng

để dẫn đến sự mơ hồ về nghĩa chiếu vật song nếu biết dùng đúng cách, linh hoạt, nó lại tạo nên sự đa dạng trong việc gọi tên đối tượng, sự vật, mang những giá trị tu từ nhất định. Vì thế, dùng tên riêng là phương thức chiếu vật phổ biến trong đời sống hàng ngày cũng như trong văn học, đồng thời nó cũng là cơ sở để lí giải các phương thức chiếu vật khác.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chúng tôi tiến hành khảo sát 74 truyện ngắn trong cuốn “*Nguyễn Công Hoan truyện ngắn chọn lọc* - NXB Văn học, 2005”, thu được kết quả như sau: có 52/74 truyện nhà văn dùng tên riêng để chiếu vật nhân vật. Trong đó có 142 tên riêng với số lượt dùng là 1346 lần.

- **Xét trên bình diện ngữ pháp:** chúng tôi nhận thấy, nhà văn Nguyễn Công Hoan dùng cả tên riêng nước ngoài và tên riêng Việt Nam để chiếu vật nhân vật. Trong đó, số tên riêng người nước ngoài chỉ chiếm 7,04% (10/142). Cụ thể là các tên riêng sau: Bourguignon, Madron, Robert (Thế là *mợ nó đi tây*), Hito, Touta, Toyama (Chiến tranh), Jean (*Lại truyện con mèo*), Monto, Thiểu Hoa (Thiểu Hoa), Samandji (Samandji).

Chiếm tới 92,96% là tên riêng người Việt Nam với số lượng là 132/142 tổng số tên riêng được dùng. Một số nhân vật, ông dùng các chữ cái để gọi tên như: B, N (Báo *hiếu: trả nghĩa mẹ*); Th, Kh, (Ông chủ báo *chẳng bằng lòng*) và X, Y, Z (Xin chữ *cụ nghề*) cũng được chúng tôi xếp vào loại này vì tác giả dùng để chỉ xuất nhân vật là người Việt Nam. Trong tên riêng Việt Nam, chỉ có 1/132 trường hợp tác giả Nguyễn Công Hoan sử dụng bút danh – nó không phải tên thông thường, tên chính

của nhân vật. Đó là bút danh Lãng Mạn Tử, được dùng để chỉ nhà văn Lê Văn Tâm trong hai truyện ngắn Mảnh khứa và Nhân tài. Còn lại 131/132 trường hợp đều là tên chính của các nhân vật.

Tên riêng của người Việt Nam thường bao gồm ba yếu tố: họ, tên đệm và tên chính. Theo tác giả Lê Biên trong Từ loại

	Họ	-	Tiếng đệm	-	Tên
Ví dụ:	Nguyễn		Văn		An
	Đoàn		Thị		Điểm

Khác với trật tự: Tên – Họ ở nhiều ngôn ngữ châu Âu. [1, 32]

Khảo sát 74 truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Công Hoan, chúng tôi thu được kết quả sau:

Bảng 1. Cấu tạo của tên riêng được nhà văn Nguyễn Công Hoan sử dụng để miêu tả nhân vật trong các truyện ngắn.

Tên riêng \ Tiêu chí	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Một phụ âm đầu	2	1.5
Một âm tiết	107	81.1
Hai âm tiết	11	8.3
Ba âm tiết	12	9.1
Tổng số	132	100

Qua bảng trên có thể thấy, tên riêng có một âm tiết, chỉ bao gồm tên chính chiếm số lượng lớn nhất với 107 tên, chiếm 81.1%. Điều này hoàn toàn dễ hiểu và phù hợp với thói quen sử dụng tên riêng của người Việt: thường sử dụng tên chính để xưng hô, để giao tiếp. Việc sử dụng tên riêng có cấu tạo gồm 2 âm tiết có thể gồm tiếng đệm + tên chính hoặc họ + tên chính; và tên riêng có cấu tạo 3 âm tiết gồm họ + tiếng đệm + tên chính chiếm tỉ lệ gần tương đương nhau với 8.3% và 9.1%, thấp hơn rất nhiều so với tên riêng có một âm tiết, chênh nhau

tiếng Việt hiện đại có viết: Theo truyền thống ở Việt Nam, con cái đều mang họ của bố (dòng họ bên nội), được dùng ổn định, “cha truyền con nối”, từ đời này qua đời khác. Về cấu tạo, họ tên chính thức của người Việt, ở dạng đầy đủ, phổ biến và thông thường, gồm ba bộ phận được sắp xếp theo trật tự:

đến gần 10 lần.

Thấp nhất là tên riêng chỉ có một phụ âm, chỉ chiếm 1.5% tổng số tên riêng được sử dụng. Việc sử dụng tên riêng một cách khác thường như vậy đều hàm chứa những dụng ý nhất định của nhà văn mà chúng tôi sẽ tìm hiểu ở phần sau của bài viết.

Nếu nhà văn Nam Cao thiên về đề tài người nông dân và đề tài người trí thức tiểu tư sản, thì nhà văn Nguyễn Công Hoan lại đưa vào tác phẩm của mình hầu hết các tầng lớp người trong xã hội thực dân phong kiến. Từ công nhân, nông dân, tiểu tư sản đến các tầng lớp thượng lưu và hạ lưu trong xã hội; từ tầng lớp quan lại, lính tráng, cường hào địa chủ ở thôn quê - đại diện cho xã hội phong kiến cũ- đến các cô gái mới tân thời, các ông tây, bà đầm; từ những câu chuyện ở đất nước An Nam đến những câu chuyện ở nước ngoài... Sự phong phú về các tiểu loại tên riêng được sử dụng đã góp phần quan trọng trong việc thể hiện sự đa dạng trong thế giới nhân vật cũng như phần nào thấy được thái độ của nhà văn Nguyễn Công Hoan đối với các nhân vật của mình.

- **Xét trên bình diện ngữ nghĩa:** ở mục này, chúng tôi chỉ xét nghĩa trong từ

điền của các tên riêng tên người Việt Nam (132/142 tổng số tên riêng được dùng), vì các tên riêng người nước ngoài là những danh từ vay mượn, được nhà văn sử dụng nhằm mục đích chủ yếu là để gọi tên, phân biệt giữa nhân vật này với nhân vật khác mà ít mang ý nghĩa và thể hiện ý đồ của tác giả như các tên riêng người Việt Nam.

Các nhà nghiên cứu cho rằng, tên người Việt Nam bắt đầu có từ thế kỉ thứ II trước công nguyên và càng ngày càng đa dạng hơn. Đối với người Việt Nam, việc đặt tên rất quan trọng vì mỗi cái tên gắn chặt với mỗi con người. Tục ngữ có câu "Xem mặt đặt tên". Vì thế, người Việt rất chú trọng đến lí do và ý nghĩa của việc đặt

tên. Có thể căn cứ vào đặc điểm giới tính, hoàn cảnh gia đình, dòng họ, quê hương, xã hội và cả ước vọng của chính bản thân để người đặt tên gửi gắm vào cái tên đó. Tên người Việt Nam ngoài chức năng để phân biệt người này với người khác, nó còn có chức năng thẩm mỹ nên được lựa chọn khá kĩ về mặt ngữ âm, ngữ nghĩa.

Có lẽ cũng xuất phát từ chính quan niệm như vậy mà khi xây dựng nhân vật trong các truyện ngắn của mình, nhà văn Nguyễn Công Hoan đã có sự cân nhắc trong việc lựa chọn tên cho nhân vật. Khảo sát một số truyện ngắn, chúng tôi nhận thấy các tên riêng được nhà văn sử dụng mang các ý nghĩa được khái quát như sau:

Bảng 2. Phương tiện ngôn ngữ chiếu vật nhân vật là tên riêng trong một số truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan xét trên bình diện ngữ nghĩa

STT	Tiêu chí Ý nghĩa		Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Chỉ sự vật	- Chỉ các loài hoa quả, thảo mộc	11	8,3
		- Chỉ các loài động vật	7	5,3
		- Chỉ các đồ vật	10	7,6
		- Chỉ các hiện tượng thiên nhiên	7	5,3
		- Chỉ thời gian, không gian	9	6,8
		- Chỉ các sự vật khác	11	8,3
2	Chỉ hành động		18	13,6
3	Chỉ tính chất	- Chỉ đặc điểm, tính cách, phẩm chất	24	18,2
		- Chỉ màu sắc	5	3,8
		- Chỉ các tính chất khác	5	3,8
4	Chỉ số đếm, số thứ tự, số lượng		6	4,6
5	Chỉ ý nghĩa đặc biệt, độc đáo		19	14,4
Tổng số			132	100

Qua bảng trên có thể thấy, tên riêng mang ý nghĩa chỉ đặc điểm, tính cách, phẩm chất nhân vật chiếm số lượng lớn nhất 24/132 trường hợp, chiếm 18,2%. Cụ thể là các tên gọi như: Chinh, Chính, Dũng, Hạnh, Nghĩa, Nhân, Tâm, Tuyết Anh, Thanh Từ, Trí, Trinh, Minh, Mến, Ngân, Nhã, Tâm,

Việt Sĩ, Văn, Năng, Thọ, Sang, Sáng, Diễm, Móm, Sút... Ngoài ra, nhà văn Nguyễn Công Hoan còn thường sử dụng các nhóm tên mang ý nghĩa:

+ Chỉ các ý nghĩa đặc biệt, độc đáo (14,4%): Hinh, Kếu, Sìn, Mịch, Sùng, Xiêng, Lê, Trần, Vũ, Nguyễn, X, Y, Z, B,

N, Kh, Th, Tê, Ca. Việc xây dựng những cái tên chỉ là những kí hiệu như vậy giúp nhà văn tránh được sự động chạm đến một số tầng lớp trong xã hội.

+ Chi hành động (13,6%): Bái, Cứu, Dự, Lằm, Liệu, Phô, Tạo, Tấu, Tiêu, Tường, Nhận, Nuôi, Lập, Nghi, Sinh, Thăng, Thâu, Thiết.

+ Chi các loài hoa, thảo mộc (8,3%): Cam, Đào, Hòe, Quýt, Thảo, Ban, Huệ, Lan, Mai, Trà, Tiêu.

+ Chi các sự vật khác (8,3%): Bản, Chương, Ngũ, Nguyên, Phiên, Quỳ, Sứ, Thế, Tinh.

+ Chi những đồ vật (7,6%): có cả các tên nhân vật mang ý nghĩa của những đồ vật quý như Bảo Sơn, Bích Ngọc, Ngọc, Xuyên và các tên nhân vật mang ý nghĩa của những đồ vật bình dân như Cột, Kèo, Lầm, Kim, Bình, Thao.

Chiếm tỉ lệ ít hơn là các tên riêng mang ý nghĩa:

+ Chi thời gian, không gian (6,8%): chỉ con giáp: Dần, Tí, Mùi; chỉ can chi: Quý; chỉ mùa: Xuân và Thu; chỉ hướng: Bắc; chỉ thời gian: Canh.

+ Chi loài động vật nói chung (5,3%): gồm cả động vật quý (Bạch Nhạn, Song Khê) và những con vật gần gũi với cuộc sống lao động của người dân thôn quê (Bóng, Cò, Cốc, Trạch, Sùng).

+ Chi các hiện tượng thiên nhiên (5,3%): Hà - sông; Nguyệt - trăng; Minh Nguyệt - trăng sáng; Nhật - mặt trời; Phong - gió; Tuyết; Vân - mây.

+ Chi số đếm, số thứ tự, số lượng : Lục, Bách, Nhì, Tam, Tư.

Thấp nhất là các tên riêng có ý nghĩa chỉ màu sắc (từ Hán Việt: Hường - hồng, Thanh - xanh, Xích - đỏ, Lê - đen; từ thuần Việt như: Đỏ) và chỉ các tính chất khác (Hương,

An, Xúng, Bền, Bụi) đều chỉ chiếm 3,8% trên tổng số danh từ riêng được dùng.

Nếu xét trên bình diện ngữ nghĩa, nghĩa của các danh từ riêng được tìm hiểu trong trạng thái tĩnh, thì xét trên bình diện ngữ dụng, nghĩa của các danh từ riêng này được tìm hiểu trong trạng thái động, gắn với yếu tố tác giả, thể hiện quan điểm, quan niệm cũng như phong cách nghệ thuật của nhà văn.

- Xét trên bình diện ngữ dụng: Văn học là nhân học. Đối tượng của văn học là con người, nhưng nhân vật không đơn thuần là con người ngoài cuộc sống, mà là những hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ, mục đích sáng tác của tác giả. Tìm hiểu danh từ riêng chỉ nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan, chúng tôi nhận thấy nhà văn đặt tên nhân vật nhằm thể hiện những dụng ý:

+ Thể hiện hoàn cảnh sống, số phận, cuộc đời nhân vật. Các danh từ riêng được nhà văn sử dụng để đặt tên cho các nhân vật, không chỉ mang những nét nghĩa tường minh, nghĩa trong hệ thống mà đặt trong bối cảnh tác phẩm, nó còn mang những nét nghĩa ngữ dụng độc đáo. Có những danh từ riêng chỉ đọc lên người đọc đã nhận thấy ngay phần nào hoàn cảnh sống cũng như cuộc đời của nhân vật như Đỏ (*Quyền chủ*, *Phản phách*), Quýt (*Thằng Quýt I và II*)...

Xét về mặt ngữ nghĩa, Đỏ đơn thuần mang nét nghĩa chỉ màu sắc (màu đỏ). Xét về mức độ thông dụng, đây là cái tên khá phổ biến trong cuộc sống của người Việt thời trước, nó thường được đặt cho những đứa trẻ gái nhỏ, đi ở đợ cho nhà giàu. Do đó, cái tên Đỏ không chỉ mang ý nghĩa chỉ màu sắc (màu đỏ) như nghĩa trong từ điển, mà nó còn là hiện thân cho một cuộc đời đầy vất vả, khổ cực đối với một đứa trẻ còn ít

tuổi. Con *Đỏ con* - một con bé “mới mười hai, mười ba tuổi đầu”, ban ngày bé con cho chủ, làm các công việc bếp núc, ban đêm khi con chủ đã ngủ, thì thức để quạt cho bà chủ ngủ suốt đêm tới sáng (trong truyện *Phành Phạch*). Dù bà chủ có làm sai, nhưng nó cũng là người phải chịu cơn thịnh nộ từ ông chủ (trong truyện *Quyền chủ*).

Hơn nữa, trong quan niệm và tư duy của người Việt Nam và Trung Quốc, màu đỏ thường là màu tượng trưng cho sự may mắn, đầy đủ, sung túc. Chẳng thế mà những ngày vui trọng đại, những ngày lễ tết người ta thường dùng sắc đỏ. Việc dùng cái tên mang ý nghĩa tốt đẹp như vậy để gọi tên cho một nhân vật có cuộc đời vất vả, không hề may mắn và sung túc đã tạo nên sự đối lập có chủ ý. Từ đó, cùng với toàn bộ diễn biến của nội dung câu chuyện, nhà văn thể hiện sự xót thương và đồng cảm sâu sắc đối với số phận và cuộc đời nhân vật, cũng như thái độ bất bình đối với xã hội đương thời.

+ Thể hiện phẩm chất, tính cách của nhân vật. “Cái tên nói lên tính cách”. Tìm hiểu những tên riêng được nhà văn Nguyễn Công Hoan sử dụng để chỉ xuất nhân vật, chúng tôi nhận thấy có những cái tên có khả năng biểu đạt rất cao những đặc điểm tính cách, phẩm chất của nhân vật.

Hắn không phải ngẫu nhiên mà nhà văn lại đặt tên cho nhân vật của mình là Nguyệt và Phong trong truyện ngắn *Oằn tã roằn* để chỉ xuất hai nhân vật nam và nữ trong truyện. Nhân vật nữ là cô Nguyệt, người tình của cô nhiều đến nỗi ngay chính bản thân cô cũng không xác định nổi đâu là cha đứa con cô đang mang trong bụng. Và Phong là một trong số những anh người tình đó. Nguyệt và Phong vốn là hai từ vốn có nguồn gốc Hán Việt, Nguyệt nghĩa là trăng, Phong nghĩa là gió. Theo quan niệm của người Việt Nam, khi Phong - Nguyệt (trăng - gió) đi cạnh nhau người

ta nhau thường liên tưởng đến những mối quan hệ tình cảm vụng trộm, bất chính.

+ Thể hiện thái độ, tình cảm, tư tưởng, quan điểm của tác giả đối với cuộc đời, với con người và với xã hội nói chung. Mỗi nhà văn lớn đều có cái nhìn riêng đối với cuộc đời, với con người. Cuộc đời đối với Nguyễn Công Hoan như một sân khấu hài kịch, một tấn trò nhố nhăng. Dưới con mắt ông, cả thế giới như đang diễn trò. Nhìn đâu ông cũng thấy cảnh giả dối, lừa bịp, nhìn đâu cũng thấy những bất công ngang trái. Ông cực lực vạch trần bộ mặt xấu xa của xã hội thực dân. Ông thẳng tay phê phán, đả kích những kẻ giàu có, quyền lực mà bất nhân, bất nghĩa. Ông mỉa mai, giễu nhại những cái lối lãng, kệch cỡm. Đồng thời, ông cũng bộc lộ niềm xót thương và cảm thông sâu sắc đối với những người nghèo khổ.

Xây dựng nhân vật là một phương tiện hình thức để nhà văn có thể gửi gắm những quan điểm, thái độ đối với con người và cuộc đời trong xã hội đương thời. Tìm hiểu hệ thống tên nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan, chúng tôi nhận thấy, tên các nhân vật của ông có khả năng thể hiện rất rõ thái độ, tình cảm, tư tưởng, quan điểm của ông đối với con người, cuộc đời và xã hội nói chung.

Trong hai truyện ngắn *Mánh khéo* và *Nhân tài*, nhà văn gọi một văn sĩ đang được lãng xê trên các báo như một nhân tài mới nổi bằng cái tên Tầm, Lê Văn Tầm. Tầm ở đây có thể hiểu là bình thường, tầm thường. Ý nghĩa cái tên đối lập hẳn với những gì người ta đang tung hô, ca ngợi về anh ta, đã góp phần thể hiện sự mỉa mai của nhà văn đối với một bộ phận những kẻ bất tài háo danh thời bấy giờ.

Những cái tên như Bạch Nhạn, Song Khê, Mộng Lê, Bích Ngọc... được nhà

văn liệt kê ra một loạt trong truyện ngắn *Cô Kếu* gái *tân* thời thể hiện rất rõ thái độ mỉa mai, giễu nhại đối với những cô gái học đòi theo lối mới, học đòi từ cái tên. Người đọc nhận thấy ngay sự đối chọi giữa một cái tên chữ Hán bay bổng Bạch Nhạn với cái tên quê kệch “Ca êu sắc” Kếu, để rồi nhận ra một tiếng cười chua xót của nhà văn cho thói học đòi rôm.

+ Thể hiện phong cách nghệ thuật của nhà văn. Mỗi nhà văn có quan niệm nghệ thuật khác nhau về con người và về cuộc đời. Chính quan niệm này chi phối cách xây dựng nhân vật nói chung và cách đặt tên cho nhân vật nói riêng. Nhà văn Nguyễn Công Hoan thành công nhất khi viết về tầng lớp quan lại, lính tráng. Vì là truyện ngắn trào phúng, hướng vào đả kích các tầng lớp xã hội nên các nhân vật không nhất thiết phải có tên rõ ràng. Do đó, tồn tại trong truyện ngắn của ông kiểu tên nhân vật chỉ là những kí hiệu chữ cái: X, Y, Z, Th, Kh, Tê, Ca... Cách dùng này vừa tránh đụng chạm đến những đối tượng trong thực tế vừa thể hiện nghệ thuật trong việc sử dụng ngôn từ của nhà văn trào phúng bậc thầy trong nền văn học hiện thực Việt Nam 1930 - 1945, với cảm hứng phê phán mãnh liệt và sâu sắc đối với hiện thực xã hội đương thời.

4. KẾT LUẬN

Dựa trên bản chất thống hợp của ngôn ngữ, chúng tôi đã tiến hành thống kê, phân loại, đánh giá các tên riêng được nhà văn Nguyễn Công Hoan sử dụng để chiếu vật các nhân vật - những đứa con tinh thần của mình. Việc sử dụng tên riêng là bước đầu tiên nhà văn đưa nhân vật của ông đến với độc giả, nên các tên riêng được sử dụng phần nào mang những ý nghĩa nhất định. Với 142 tên riêng được sử dụng, chúng

đều mang những nét nghĩa tường minh vừa quen thuộc với tục lệ đặt tên của người Việt Nam nhưng cũng vừa có những nét độc đáo. Phần nào đã thể hiện đặc điểm nhân vật, cũng như thái độ, tình cảm của nhà văn. Trong khả năng có thể, chúng tôi đã cố gắng lựa chọn để phân tích, miêu tả những trường hợp tiêu biểu nhất để góp phần làm nổi bật cái tâm cái tài của nhà văn Nguyễn Công Hoan - một nhà văn xuất hiện sớm và có những đóng góp to lớn cho nền văn xuôi quốc ngữ còn non trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Biên (1999) - *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Tài Cẩn (1975) - *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đỗ Hữu Châu (2003) - *Cơ sở ngữ dụng học tập 1*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. George Yule (2003) - *Dụng học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Lê Thị Đức Hạnh (2007) - *Nguyễn Công Hoan về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Lê Trung Hoa (1992) - *Họ và tên người Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Hoàng Phê (chủ biên), Vũ Xuân Lương, Hoàng Thị Tuyền Linh, Phạm Thị Thùy, Đào Thị Minh Thu, Đặng Thanh Hòa (2007) - *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

NGỮ LIỆU KHẢO SÁT

8. Nguyễn Công Hoan *truyện ngắn chọn lọc*- NXB Văn học, 2005.